

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 3869/QĐ-BNN-KHCN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỐI VỚI
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (viết tắt là KH&CN) cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể như sau:

1. Dự toán tiền công trực tiếp

a) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Bảng 1. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

TT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Tiền công ngày (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4) = $L_{cs} \times (3)$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,56	650.000
2	Thành viên chính, thư ký khoa học	0,35	400.000
3	Thành viên	0,20	230.000
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (bao gồm lao động phổ thông)	0,16	180.000

b) Ngày công lao động quy đổi: Số ngày công thực tế trong một năm của một chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính không quá 265 ngày công (bao gồm cả thời gian làm thêm ngoài giờ).

c) Thanh toán tiền công: Căn cứ Thuyết minh - dự toán nhiệm vụ KH&CN (theo Bảng 1 và Bảng 2 của Phụ lục) được phê duyệt, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm quản lý chấm công thực tế và thanh toán tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ

KH&CN. Trường hợp có thay đổi người tham gia (đối với các chức danh theo thứ tự 2, 3 và 4 của Bảng 1 điểm a khoản 1 Điều này) thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm tự quyết định việc thay đổi người thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm về thay đổi người thực hiện, quản lý ngày công và thanh toán tiền công, đảm bảo không vượt tổng dự toán tiền công theo các chức danh và tổng dự toán tiền công của nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

2. Định mức chi hội thảo khoa học, công nghệ

Bảng 2. Dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, công nghệ

TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức chi thù lao (đồng)
1	Người chủ trì	Buổi	1.000.000
2	Thư ký hội thảo	Buổi	350.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	01 báo cáo	1.400.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	01 báo cáo	700.000
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi	150.000

3. Định mức chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN: Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm chủ động lập dự toán chi tiết chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN, phê duyệt và chịu trách nhiệm giải ngân theo quy định.

4. Định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Bảng 3. Định mức chi tiền công

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (đồng)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		700.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500.000
	Thư ký hành chính		200.000
	Đại biểu được mời tham dự		150.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500.000
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.000.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700.000
	Thư ký hành chính		200.000

	Đại biểu được mời tham dự		150.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN		
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500.000
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350.000
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200.000
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150.000
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.000.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700.000
	Thư ký hành chính		200.000
	Đại biểu được mời tham dự		150.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000

Đối với Hội đồng KH&CN do các tổ chức chủ trì thành lập, mức chi áp dụng không quá 50% so với mức quy định tại khoản 4 Điều này.

5. Các khoản chi khác với quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các quy định khác liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (NVL.60bản).

Lê Quốc Doanh

PHỤ LỤC

CÁCH TÍNH TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3869/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

+ Chức danh 1 (Chủ nhiệm): Bùi Văn A

+ Chức danh 2 (thành viên chính, thư ký):

Nguyễn Hữu B

Trần Minh C

Võ Thị D (thư kí)

+ Chức danh 3 (thành viên):

Phạm Minh E

Hoàng Thị G

3. Phân bổ thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ

Bảng 1. Bảng phân bổ thời gian tham gia nhiệm vụ KH&CN

TT	Nội dung/công việc	Sản phẩm	Cán bộ	Thời gian thực hiện
1	Nghiên cứu tổng quan	BC tổng quan	Bùi Văn A Võ Thị D	5 ngày 4 ngày
2	Đánh giá thực trạng	BC thực trạng	Nguyễn Hữu B Trần Minh C	15 ngày 10 ngày
3	Thu thập thông tin, dữ liệu	BC kết quả thu thập	Bùi Văn A Phạm Minh E Hoàng Thị G	5 ngày 30 ngày 30 ngày
4	Nội dung 1	Kết quả ND 1	Bùi Văn A Nguyễn Hữu B Võ Thị D	30 ngày 20 ngày 25 ngày
5	Nội dung 2	Kết quả ND 2	Bùi Văn A Trần Minh C	10 ngày 30 ngày
6	Nội dung 3	Kết quả ND 3	Bùi Văn A Nguyễn Hữu B Trần Minh C	30 ngày 15 ngày 10 ngày
7	Đề xuất giải pháp	Đề xuất giải pháp	Bùi Văn A Võ Thị D	15 ngày 10 ngày

			Trần Minh C	10 ngày
8	Tổng kết, đánh giá	BC tổng kết	Bùi Văn A	20 ngày
			Võ Thị D	10 ngày

4. Tổng hợp tiền công lao động tham gia nhiệm vụ

Bảng 2. Bảng tổng hợp tiền công tham gia nhiệm vụ KH&CN

TT	Họ tên	Số ngày công	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bùi Văn A	115	650.000	74.750.000	
2	Nguyễn Hữu B	50	400.000	20.000.000	
3	Trần Minh C	60	400.000	24.000.000	
4	Võ Thị D	39	400.000	15.600.000	
5	Phạm Minh E	30	230.000	6.900.000	
6	Hoàng Thị G	30	230.000	6.900.000	
	Tổng cộng			148.150.000	